

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-ST

Ngày 30 - 5 - 2018

V/v: "*Kiện đòi tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Oanh và bà Nguyễn Thị Bình;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2017/TLST-DS ngày 17/10/2017 về "*Kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2018/QĐXXST-DS ngày 20/04/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2018/QĐ-HPT ngày 07/5/2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: xã H, thành phố B, Đắk Lắk, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Địa chỉ: xã H, thành phố B, Đắk Lắk, (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Huỳnh Tấn L; Địa chỉ: xã H, thành phố B, Đắk Lắk, (chồng bà P, vắng mặt);

3.2. Ông Đỗ Quý Đ; Địa chỉ: xã H, thành phố B, Đắk Lắk, (chồng bà H, có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 9-10-2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, nguyên đơn trình bày:*

Do tình cảm hàng xóm láng giềng nên nguyên đơn đã cho bị đơn vay tổng số tiền = 37.000.000đồng (Ba mươi bảy triệu đồng), khi vay có viết giấy xác nhận nợ, cụ thể:

Lần 1: Ngày 8-10-2009 (AL) tức 24/11/2009 (DL) vay 15.000.000đồng thỏa thuận lãi suất là 3.000đồng/1 triệu, bị đơn hẹn 15 ngày sẽ trả cả gốc và lãi;

Lần 2: Ngày 14-10-2009 (AL) tức 30/11/2009 (DL) vay 10.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.000đồng/ngày, bị đơn hẹn 15 ngày sẽ trả cả gốc và lãi;

Lần 3: Ngày 23/10/2009 (AL) tức 9-12-2009 (DL) vay 12.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/ngày, bị đơn hẹn 15 ngày sẽ trả cả gốc và lãi;

Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn đòi nhiều lần nhưng bị đơn cứ hứa và khất lần mãi mà không chịu trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 37.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quý Đ trình bày:*

Vào thời điểm cho vay tiền tôi hoàn toàn không biết, nhưng sau khi vợ tôi (bà H) đòi nợ nhiều lần mà bà P cứ khất lần rồi không chịu trả và hai bên có nói qua nói lại với nhau thì lúc này tôi mới biết. Khi đó vợ chồng tôi có xô sát va chạm, ông L (chồng bà P) thấy vậy có sang nói tôi thông cảm và xin khất nợ thêm một thời gian sẽ trả. Nhưng mãi đến nay vẫn không chịu trả, nên vợ tôi khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do Tòa án đã tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình lần tránh, không lên Tòa án để làm việc, nên Tòa án đã tiến hành thủ tục giám định chữ ký và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B tham gia phiên tòa:*

** Về trình tự thủ tục tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 26; 35; 48; 170; 171; 196; 203; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70; 71; 72; 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không tuân thủ quy định của tố tụng.

** Về nội dung vụ án:* Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị P phải trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc là: 37.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả cuộc thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án: “Kiện đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố B, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 256 Bộ Luật dân sự năm 2005.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã được Tòa án nhân dân Thành phố B, tổng đạt giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ, theo thủ tục quy định chung.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét việc vay nợ tiền giữa bà Nguyễn Thị P với bà Trịnh Thị H là có thật, được thể hiện tại giấy xác nhận nợ đề ngày 24-11-2009; 30-11-2009 và 9-12-2009. Tổng số tiền mà bị đơn vay của nguyên đơn là 37.000.000đồng (Ba mươi bảy triệu đồng), trong giấy xác nhận nợ có chữ ký và viết tên Nguyễn Thị P, chứng cứ đã được kiểm tra công khai (bút lục 23). Khi vay bị đơn hẹn 15 ngày sẽ trả, nhưng sau đó bị đơn cứ khất lần để thời gian kéo dài mãi mà bị đơn vẫn không chịu trả. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số nợ gốc: 37.000.000đồng (Ba mươi bảy triệu đồng), và lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét việc vay mượn này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp về mặt hình thức nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bên bị đơn cố tình lẩn tránh. Do đó, theo quy định chung, Tòa án đã tiến hành thủ tục giám định chữ ký. Qua kết quả giám định cho thấy: Chữ ký trong giấy xác nhận nợ nêu trên là đúng chữ ký của bà Nguyễn Thị P. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của (nguyên đơn) bà Trịnh Thị H là có cơ sở được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 37.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 256 Bộ Luật dân sự năm 2005.

[2.2]. Về lãi suất: Mặc dù, trong giấy xác nhận nợ cũng như lời khai của đương sự có thể hiện việc tính lãi suất. Song thời gian vi phạm hạn trả nợ đã quá lâu, không còn thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng vay tài sản nữa (khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 Bộ luật dân sự 2017), nên quan hệ pháp luật chỉ được xác định là kiện đòi tài sản theo Điều 256 Bộ Luật dân sự năm 2005. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đến phần lãi suất.

[2.3]. Về tiền giám định: Do bị đơn cố tình lẩn tránh, nên theo thủ tục tố tụng nguyên đơn đã nộp tạm ứng lệ phí giám định với số tiền là: 4.200.000đồng, theo giấy nhận tiền đề ngày 08-01-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk. Số tiền này đã chi phí hết cho việc trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết, nên căn cứ theo quy định tại Điều 159; Điều 160; Điều 161; Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự, thì

bị đơn phải chịu số tiền giám định tài liệu là: 4.200.000đ. Nguyên đơn được nhận lại số tiền đã nộp 4.200.000đ lệ phí giám định, sau khi thu được của bị đơn.

[3]. Về án phí: Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí DSST, cụ thể như sau: $37.000.000\text{đồng} \times 5\% = 1.850.000\text{đồng}$.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 145; 146; 147; 159; 160; 161; 162; khoản 1 Điều 184; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 256 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 429 Bộ luật dân sự 2017;

Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

* Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị H.

* Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả nợ cho bà Trịnh Thị H, số tiền nợ gốc là: 37.000.000đồng;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

2. Về tiền giám định:

- Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu số tiền giám định tài liệu là: 4.200.000đồng.

- Bà Trịnh Thị H được nhận lại số tiền đã nộp 4.200.000đồng tạm ứng lệ phí giám định, sau khi thu được của bà P.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.850.000đồng.

Hoàn trả bà Trịnh Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 925.000đồng theo biên lai số AA/2017/0000071 ngày 16-10-2017 của Thi hành án dân sự Thành phố B.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- Lưu H.sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị An